CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NGHIỆP SÀI GÒN

(DỰ THẢO)

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Sửa đổi và bổ sung lần thứ hai)

TP. HCM, Ngày tháng năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG 5

Điều 1. Quy định chung 5

Điều 2. Giải thích từ ngữ 5

CHƯƠNG II TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 5

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 5

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 5. Các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 6. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông 7

Điều 7. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 7

Điều 8. Điều kiện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 8

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp 8

Điều 10. Các hình thức tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác 9

Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 9

Điều 12. Cách thức biểu quyết và bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 10

Điều 13. Bỏ phiếu từ xa 10

Điều 14. Bỏ phiếu điện tử 11

Điều 15. Họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến 12

Điều 16. Phiếu biểu quyết hợp lệ 13

Điều 17. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu 15

Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông 15

Điều 19. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 15

Điều 20. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 16

Điều 21. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 17

CHƯƠNG III ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 19

Điều 22. Tiêu chuẩn để trở thành thành viên Hội đồng quản trị 19

Điều 23. Tiêu chuẩn để trở thành thành viên độc lập Hội đồng quản trị 19

Điều 24. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị 20

Điều 25. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị 20

Điều 26. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị 21

Điều 27. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị 21

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 22

Điều 29. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 22

CHƯƠNG IV TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 23

Điều 30. Thông báo họp Hội đồng quản trị 23

Điều 31. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị 23

Điều 32. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị 23

Điều 33. Cách thức biểu quyết 24

Điều 34. Biên bản họp Hội đồng quản trị 25

Điều 35. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị 26

CHƯƠNG V THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 26

Điều 36. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 26

Điều 37. Cơ cấu và tiêu chuẩn thành viên của các tiểu ban 26

Điều 38. Trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên 26

CHƯƠNG VI TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN 26

Điều 39. Tiêu chuẩn trở thành Kiểm soát viên 26

Điều 40. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên. 27

Điều 41. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát 27

Điều 42. Cách thức bầu Kiểm soát viên 27

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 27

Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên....28

CHƯƠNG VII LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY 28

Điều 45. Tiêu chuẩn bổ nhiệm Tổng Giám đốc....28

Điều 46. Tiêu chuẩn bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc 28

Điều 47. Tiêu chuẩn bổ nhiệm Kế toán trưởng 28

Điều 48. Tiêu chuẩn bổ nhiệm người điều hành và cán bộ quản lý 29

Điều 49. Tiêu chuẩn bổ nhiệm các vị trí cán bộ quản lý khác (trưởng hoặc phó của các phòng, ban, giám đốc Nhà máy chế biến gỗ, trưởng đội trồng rừng, trưởng trại nuôi cá sấu và tương đương)....29

Điều 50. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp và các cán bộ quản lý....29

Điều 51. Nhiệm kỳ của người điều hành doanh nghiệp 29

Điều 52. Ký hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp....30

Điều 53. Bổ nhiệm lại chức vụ của người điều hành doanh nghiệp....30

Điều 54. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp....30

Điều 55. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp....31

CHƯƠNG VIII PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 31

Điều 56. Nguyên tắc phối hợp....31

Điều 57. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc....31

Điều 58. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát 32

Điều 59. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc 32

CHƯƠNG IX QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH 33

Điều 60. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác....33

Điều 61. Khen thưởng 33

Điều 62. Xử lý vi phạm và kỷ luật....33

CHƯƠNG X LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY 34

Điều 63. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty....34

Điều 64. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 34
Điều 65. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 34
Điều 66. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 34
CHƯƠNG XI THI HÀNH 34
Điều 67. Điều khoản thi hành 34





CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định chung

Quy chế nội bộ về quản trị công ty đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp và đảm bảo hiệu quả hoạt động của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Người quản lý và phụ trách quản lý Công ty; minh bạch mọi hoạt động của Công ty; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. "**Luật Doanh nghiệp**": Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. "**Luật Chứng khoán**": Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. "**Luật Kế toán**": Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. "**Điều lệ Công ty**": Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.

5. "**Công ty**": Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn.

6. "**Đại hội đồng cổ đông**": Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty và được lập không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đối với Đại hội đồng cổ đông thường niên:

   a. Trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, sau khi có báo cáo tài chính năm đã kiểm toán, Hội đồng quản trị họp, quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và thống nhất thông qua nội dung, chương trình họp.

   b. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, chậm nhất là trong tháng Tư. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh gia hạn đến tháng Sáu theo quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp.

2. Đối với Đại hội đồng cổ đông bất thường:

   a. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định tại Điều 154, Điều 168 Luật Doanh nghiệp[i]; hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty[ii]; hoặc nhận được yêu cầu từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ Công ty[iii]; hoặc nhận được yêu cầu từ Ban Kiểm soát theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty[iv].

   b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này, thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

   c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

   Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại; chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 5. Các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

   a. Trực tiếp;

   b. Trực tuyến;

   c. Bỏ phiếu điện tử;

   d. Bỏ phiếu từ xa;

   e. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 6. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.

2. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải thể hiện bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

   a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

   b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đáp ứng điều kiện số lượng và thời gian nắm giữ cổ phần;

   c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; Kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 2 Điều này được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung họp sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 7. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được:

   a. Đăng trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty tại địa chỉ www.forimex.vn; mục Quan hệ cổ đông ▸ Công bố thông tin;

   b. Công bố trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán (nơi Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết cổ phiếu);

c. Gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;

d. Gửi cho tất cả cổ đông bằng cách chuyển tận tay, hoặc qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc gửi tới địa chỉ thư điện tử (email) do cổ đông xác nhận để phục vụ việc gửi thông tin;

Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo họp có thể đặt trong phong bì dán kín gửi tận tay, hoặc gửi tới email của cổ đông đó.

2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được công bố và gửi đi chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

3. Chương trình họp và các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên Website của Công ty. Trường hợp tài liệu họp không được gửi kèm theo thông báo họp, đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp được ghi rõ trong thông báo họp để cổ đông tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát (trường hợp đã biết trước danh sách ứng cử viên);

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 8. Điều kiện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty[v].

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp

1. Cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bằng một trong những cách thức: đăng ký trực tiếp, điện thoại, fax, gửi thư hoặc email trước thời hạn ghi trong thư mời họp.

2. Trước giờ khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

3. Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự tuân thủ các biện pháp an ninh được cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ các biện pháp an ninh, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền ra khỏi cuộc họp sau khi xem xét một cách cẩn trọng.

6. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp;

b. Đảm bảo an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp khác nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức khác.

Điều 10. Các hình thức tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác

1. Bỏ phiếu từ xa:

Tại thời điểm bắt đầu đăng ký và kiểm tra tư cách cổ đông tham dự họp, Ban kiểm phiếu cùng Ban thẩm tra tư cách cổ đông sẽ mở các phong bì chính của các cổ đông gửi về Công ty theo hình thức bỏ phiếu từ xa để kiểm tra tính hợp lệ về tư cách cổ đông (kiểm tra nếu có bản chính thư mời họp thì hợp lệ về tư cách cổ đông). Đối với cổ đông đáp ứng tư cách hợp lệ, phiếu lấy ý kiến biểu quyết và phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào các thùng phiếu. Tỷ lệ biểu quyết và bầu cử của cổ đông thực hiện quyền bỏ phiếu từ xa sẽ được cộng vào tỷ lệ biểu quyết và bầu cử của cổ đông tham dự trực tiếp tại cuộc họp.

2. Bỏ phiếu điện tử:

Kết quả bỏ phiếu điện tử trong thời gian thực hiện các đợt biểu quyết được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) thống kê và tính toán. Kết quả bỏ phiếu điện tử do VSD cung cấp được giữ nguyên niêm phong của VSD và được Ban chủ tọa trình Đại hội đồng cổ đông tại thời điểm khai mạc cuộc họp.

3. Họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cổ đông khi đăng nhập vào hệ thống họp/bỏ phiếu trực tuyến của Công ty thì cổ đông đó được xem là tham dự cuộc họp. Các cổ đông hay đại diện được ủy quyền hoàn thành việc đăng nhập vào hệ thống là hoàn thành thủ tục đăng ký tham dự cuộc họp. Bỏ phiếu trực tuyến có giá trị pháp lý như bỏ phiếu trực tiếp.

Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết sau 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền xem xét huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết sau 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 12. Cách thức biểu quyết và bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết được cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phiếu bầu, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số lượng phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Khi tiến hành biểu quyết, thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu nhân với số lượng thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát, sau đó cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

   Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo tổng số phiếu bầu từ cao xuống thấp, cho đến khi đủ số lượng thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

   Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt số lượng phiếu bầu ngang nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số lượng phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử.

Điều 13. Bỏ phiếu từ xa

Trong trường hợp không trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có thể thực hiện quyền bỏ phiếu từ xa. Việc bỏ phiếu từ xa được thực hiện theo trình tự sau:

1. Mỗi cổ đông được cấp một mã số cổ đông duy nhất, được ghi trong thư mời họp gửi đến cổ đông.

2. Cổ đông truy cập vào Website của Công ty để xem chương trình và nội dung họp, nội dung biểu quyết, bầu cử; sau đó in phiếu lấy ý kiến biểu quyết, phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, phiếu bầu cử thành viên Ban Kiểm soát và điền các thông tin; hoặc liên hệ Công ty để yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu trên bằng hình thức khác.

3. Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến biểu quyết, phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, phiếu bầu cử thành viên Ban Kiểm soát bằng thư đảm bảo về địa chỉ Công ty, đảm bảo thư đến chậm nhất 01 (một) ngày trước khi họp Đại hội đồng cổ đông.

   Cách thức gửi như sau:

   a. Mỗi phiếu biểu quyết hay phiếu bầu cử đều được bỏ riêng vào một phong bì dán kín lại, bên ngoài phong bì ghi rõ "Phiếu lấy ý kiến biểu quyết", "Phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị", "Phiếu bầu cử thành viên Ban Kiểm soát".

   b. Sau đó, tất cả các phong bì đã dán kín trên và bản chính thư mời họp được bỏ chung vào một phong bì khác gọi là phong bì chính, dán kín và gửi thư đảm bảo về Công ty, ghi rõ thông tin người gửi và người nhận.

      Người nhận: Thư ký Hội đồng quản trị

      CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NGHIỆP SÀI GÒN

      Địa chỉ: 08 Hoàng Hoa Thám, P. 7, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

      Điện thoại: (028) 3510 8880

4. Sau khi kiểm tra tư cách cổ đông hợp lệ, phong bì "Phiếu lấy ý kiến biểu quyết" (vẫn còn dán kín) của cổ đông được bỏ vào thùng phiếu dán nhãn "Phiếu lấy ý kiến biểu quyết", phong bì "Phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị" (vẫn còn dán kín) được bỏ vào thùng phiếu dán nhãn "Phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị", phong bì "Phiếu bầu cử thành viên Ban Kiểm soát" (vẫn còn dán kín) được bỏ vào thùng phiếu dán nhãn "Phiếu bầu cử thành viên Ban Kiểm soát". Thông tin biểu quyết và bầu cử sẽ được bảo mật đến thời điểm kiểm phiếu, sẽ được kiểm tra và tổng hợp cùng với các phiếu được phát trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Bỏ phiếu điện tử

1. Điều kiện tham gia của cổ đông: Cổ đông có tên trong danh sách có quyền bỏ phiếu do VSD lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty và đã kích hoạt tài khoản truy cập Hệ thống E-voting theo thông báo của VSD.

2. Việc cung cấp tài khoản truy cập Hệ thống E-voting và thực hiện bỏ phiếu điện tử của cổ đông được thực hiện theo hướng dẫn tại Quy định về việc tổ chức cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử tại VSD do VSD ban hành.

3. Cách thức thực hiện: Cổ đông là cá nhân và tổ chức trong nước thực hiện bỏ phiếu điện tử trực tiếp trên Hệ thống E-voting. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân và tổ chức) thực hiện bỏ phiếu điện tử thông qua ủy quyền cho tổ chức đại diện.

4. Việc ủy quyền thực hiện bỏ phiếu điện tử chỉ áp dụng đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Trình tự, thủ tục ủy quyền thực hiện theo hướng dẫn tại Quy định về việc tổ chức cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử tại VSD do VSD ban hành.

5. Kết quả bỏ phiếu điện tử trong thời gian thực hiện các đợt biểu quyết được VSD thống kê và tính toán. Kết quả bỏ phiếu điện tử do VSD cung cấp được giữ nguyên niêm phong của VSD và được Ban chủ tọa trình trước Đại hội đồng cổ đông tại thời điểm khai mạc cuộc họp.

6. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp hoặc Ban kiểm phiếu được Hội đồng quản trị đề cử tại đợt lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản là người có thẩm quyền mở kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu.

7. Cổ đông chỉ được chọn biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc thực hiện bỏ phiếu truyền thống. Các cổ đông đã thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hợp lệ sẽ không được thực hiện việc bỏ phiếu truyền thống hoặc không được tính vào kết quả biểu quyết nếu cổ đông này vẫn thực hiện bỏ phiếu truyền thống, trừ trường hợp việc bỏ phiếu truyền thống để biểu quyết đối với các nội dung biểu quyết được sửa đổi, bổ sung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham gia bỏ phiếu điện tử:

   a. Được quyền biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty dưới hình thức bỏ phiếu điện tử;

   b. Vẫn có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay cả khi cổ đông đó đã thực hiện bỏ phiếu điện tử.

   c. Phải đăng ký thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc và email chính xác để đảm bảo nhận được thư thông báo tài khoản truy cập Hệ thống E-voting và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này;

   d. Được sử dụng tài khoản truy cập do VSD cấp để đăng nhập vào Hệ thống E-voting và thực hiện bỏ phiếu điện tử;

   e. Trường hợp cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền bỏ phiếu điện tử cho tổ chức đại diện, cổ đông và tổ chức đại diện chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử;

   f. Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác của tài khoản truy cập Hệ thống E-voting do VSD cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông đó mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống E-voting của VSD. Mọi kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông do VSD cung cấp chính thức sẽ được mặc nhiên xem là quyết định cuối cùng của cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về mọi tranh chấp (nếu có) giữa cổ đông và VSD liên quan đến việc xác thực lại việc bỏ phiếu điện tử qua tài khoản truy cập của cổ đông.

Điều 15. Họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Trường hợp không thể tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, cổ đông có thể tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trong trường hợp Công ty có tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

2. Cổ đông thực hiện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến bằng cách dùng mã đăng nhập (ID) và mã OTP để đăng nhập vào hệ thống:

a. Mã đăng nhập (ID) của cổ đông là số giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, mã số doanh nghiệp, mã số nhà đầu tư nước ngoài.

b. Sau khi cổ đông đăng nhập vào hệ thống thì mã OTP được gửi vào số điện thoại của cổ đông hoặc người được ủy quyền.

c. Trường hợp cổ đông thay đổi số điện thoại thì liên hệ với Công ty để cập nhật số điện thoại mới.

3. Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã được tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

4. Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu trực tuyến được hệ thống ghi nhận kết quả bỏ phiếu tại thời điểm kết thúc biểu quyết của từng nội dung hoặc ghi nhận kết quả bỏ phiếu tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu. Cổ đông chịu trách nhiệm về kết quả bỏ phiếu khi đã đăng nhập bằng ID và mã OTP đã được cung cấp.

5. Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến bị ngắt kết nối trước khi kết thúc việc bỏ phiếu thì các nội dung nào cổ đông đã bỏ phiếu sẽ được ghi nhận và nội dung nào chưa bỏ phiếu sẽ không được tính khi kiểm phiếu. Trường hợp cổ đông kết nối lại thì cổ đông được tiếp tục bỏ phiếu các nội dung còn lại chưa biểu quyết.

6. Cổ đông có trách nhiệm bảo mật mã đăng nhập (ID), mật khẩu và mã OTP được cung cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông đó mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Mọi kết quả bỏ phiếu trực tuyến khi đã đăng nhập bằng ID và mã OTP của cổ đông sẽ được mặc nhiên xem là quyết định cuối cùng của cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về mọi tranh chấp (nếu có) giữa cổ đông và đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức họp đại hội cổ đông trực tuyến liên quan đến việc xác thực lại việc bỏ phiếu trực tuyến qua tài khoản truy cập của cổ đông.

Điều 16. Phiếu biểu quyết hợp lệ

1. Trường hợp cổ đông biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, phiếu biểu quyết hợp lệ khi:

a. Theo mẫu của Ban tổ chức;

b. Không có tẩy xóa, cạo sửa những nội dung đã được in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết, không viết thêm nội dung khác ngoại trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban tổ chức;

c. Đối với mỗi nội dung biểu quyết, phiếu có chọn 01 trong 03 lựa chọn biểu quyết là Tán thánh, Không tán thành, Không có ý kiến; và

d. Có chữ ký của cổ đông.

Trong trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc phiếu biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông cần liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại phiếu biểu quyết mới và nộp lại phiếu biểu quyết cũ.

2. Trường hợp cổ đông biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu từ xa, phiếu biểu quyết hợp lệ khi:

a. Đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này; và

b. Được đựng trong phong bì dán kín có niêm phong và được gửi về Công ty đúng thời hạn. Phiếu biểu quyết từ xa không được gửi về Công ty đúng thời hạn được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

3. Bỏ phiếu điện tử hợp lệ khi cổ đông sử dụng tài khoản truy cập do VSD cấp để đăng nhập vào Hệ thống E-voting và thực hiện bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của Công ty mà cổ đông được quyền bỏ phiếu.

4. Bỏ phiếu trực tuyến hợp lệ khi cổ đông tham dự họp bằng mã đăng nhập (ID) và mã OTP, sau đó thực hiện biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu trực tuyến.

5. Nội dung biểu quyết không hợp lệ khi:

a. Không có hoặc có nhiều hơn một lựa chọn biểu quyết. Trong một phiếu biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau, sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của những nội dung khác; hoặc

b. Ghi bằng bút chì; hoặc

c. Tẩy xóa, cạo sửa nội dung biểu quyết; hoặc

d. Ghi thêm nội dung ngoài các nội dung biểu quyết do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Khác:

a. Phiếu được phát ra nhưng không gửi về cho Ban kiểm phiếu coi như phiếu trắng. Phiếu trắng được coi là phiếu chọn tình trạng "Không có ý kiến" đối với tất cả các nội dung biểu quyết.

b. Trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phát sinh các nội dung biểu quyết mới hoặc điều chỉnh các nội dung hiện hữu của chương trình họp thì các cổ đông thực hiện quyền biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu từ xa sẽ được xem như vắng mặt đối với nội dung đó.

c. Trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông tham dự trực tiếp đồng ý sửa đổi nội dung biểu quyết khác với các nội dung biểu quyết mà Công ty đã thông báo trước khi thực hiện bỏ phiếu điện tử thì số phiếu của các cổ đông đã tham gia bỏ phiếu điện tử đối với nội dung này sẽ được tính là phiếu "Không có ý kiến".

d. Trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông tham dự trực tiếp đồng ý bổ sung nội dung biểu quyết hoặc hủy bỏ nội dung biểu quyết khiến số lượng các nội dung biểu quyết khác với các nội dung biểu quyết mà Công ty đã thông báo trước khi thực hiện bỏ phiếu điện tử, việc tính tổng số lượng phiếu biểu quyết tại đại hội được thực hiện như sau:

e. Nội dung biểu quyết được bổ sung vào chương trình họp: Tổng số phiếu biểu quyết đối với nội dung bổ sung sẽ bao gồm toàn bộ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự họp trực tiếp.

f. Nội dung biểu quyết bị hủy bỏ khỏi chương trình họp: Toàn bộ phiếu biểu quyết của cổ đông đã thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ không có hiệu lực đối với nội dung bị hủy bỏ khỏi chương trình họp.

Điều 17. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu ngay sau khi kiểm phiếu với nội dung bao gồm: số lượng phiếu bầu hợp lệ, số lượng phiếu bầu không hợp lệ; số lượng phiếu bầu và tỷ lệ phiếu bầu cho từng ứng cử viên. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền phản đối biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được công bố trên Website của Công ty.

2. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ họ và tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại Khoản này.

3. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

   a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

   b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

   Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của toà án hoặc trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 (sáu mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 19. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bản tiếng Anh với các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ và tên chủ tọa, thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số lượng cổ đông dự họp và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp với số lượng cổ phần tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của thư ký và chủ tọa.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác có tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên Website của Công ty trong thời hạn 24 giờ sau khi kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền dự họp, phiếu biểu quyết, phiếu bầu, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết được thông qua tại đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty tối thiểu 15 (mười lăm) năm.

Điều 20. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong vòng 24 giờ sau khi kết thúc cuộc họp.

Điều 21. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, cụ thể bao gồm:

   a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

   b. Định hướng phát triển Công ty;

   c. Phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;

   d. Phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;

   e. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

   f. Quyết định thời hạn nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

   g. Thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ;

   h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

   i. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;

   j. Thông qua báo cáo tài chính năm;

   k. Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, cấu trúc tổ chức Công ty;

   l. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

   m. Tất cả các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình. Phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu giải trình và dự thảo nghị quyết phải được gửi bằng phương thức đảm bảo đến địa chỉ đăng ký của từng cổ đông có quyền biểu quyết trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến gửi về.

3. Phiếu lấy ý kiến bao gồm nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   b. Mục đích lấy ý kiến;

   c. Họ và tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ và tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân,

giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại và số lượng phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và con dấu của tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải bằng phương thức đảm bảo, được đựng trong phong bì dán kín và không được mở trước khi kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty quá thời hạn hoặc bị mở trước khi kiểm phiếu là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số lượng phiếu biểu quyết hợp lệ và số lượng phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ và tên, chữ ký của những người kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; chịu trách nhiệm liên đới về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên Website của Công ty trong vòng 24 giờ sau khi có kết quả kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị pháp lý như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III

|ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Tiêu chuẩn để trở thành thành viên Hội đồng quản trị

1. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp[vi];

2. Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

3. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết là cổ đông của Công ty;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị trên 05 (năm) của công ty khác.

Điều 23. Tiêu chuẩn để trở thành thành viên độc lập Hội đồng quản trị

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

   a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;

   b. Không phải là người đang hưởng lương từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp, thù lao mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

   c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

   d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

   e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

   f. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 24. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số lượng quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cụ thể, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

   a. Từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên;

   b. Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên;

   c. Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên;

   d. Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên;

   e. Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên;

   f. Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 ứng viên;

   g. Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 ứng viên; và

   h. Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 ứng viên.

2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các cổ đông, Hội đồng quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn và lập danh sách ứng cử viên. Trường hợp các cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng viên Hội đồng quản trị hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng quản trị sẽ đề cử ứng viên bổ sung, thay thế. Hội đồng quản trị thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử của ứng viên không đáp ứng đủ điều kiện biết rõ lý do. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 25. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 10 (mười) ngày, Hội đồng quản trị phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị (trường hợp đã xác định được trước các ứng cử viên) trên Website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

   Thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

   a. Họ và tên, ngày tháng năm sinh;

   b. Thẻ căn cước công dân hoặc CMND hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân khác;

   c. Trình độ học vấn;

   d. Trình độ chuyên môn;

   e. Quá trình công tác;

   f. Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

g. Họ và tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

h. Số lượng cổ phần sở hữu và/ hoặc đại diện;

i. Số lượng cổ phần mà người có liên quan nắm giữ;

j. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

k. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty (nếu có).

2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các cổ đông, Hội đồng quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn, lập danh sách ứng cử viên cho chức danh dự kiến bầu. Trường hợp các cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Hội đồng quản trị thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử của ứng cử viên không đáp ứng đủ điều kiện biết rõ lý do. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật

Điều 26. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức dồn phiếu quy định tại Khoản 3 Điều 12 Quy chế này.

2. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu cổ đông đó có tên trong danh sách ứng cử viên.

3. Phiếu bầu được phát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi họ và tên những ứng cử viên, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số lượng cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải báo ngay tại thời điểm nhận phiếu.

4. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

a. Phiếu không phải do Ban Kiểm phiếu phát hành;

b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;

c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp bầu lần thứ nhất mà không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu lần tiếp theo đối với những ứng cử viên còn lại cho tới khi đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 27. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc sau khi có kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải chọn một trong số các thành viên của mình để bầu ra Chủ tịch

Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

   a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 22 Quy chế này;

   b. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần hoặc thành viên khác của Hội đồng quản trị có bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

   c. Thành viên đó gửi đơn xin từ chức và được chấp thuận;

   d. Khi Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết và có quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

   a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

   b. Khi Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết và có quyết định bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị sau khi không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái pháp luật và Điều lệ Công ty hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

   a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

   b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;

   c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 29. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Công ty công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo các quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

2. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị trước ít nhất 03 (ba) ngày; thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối họp bằng email hoặc thư hoặc fax.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết.

4. Thông báo họp Hội đồng quản trị được gửi bằng email hoặc thư hoặc fax hoặc bằng phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị đã được đăng ký tại Công ty. Trường hợp thay đổi thông tin liên hệ, các thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ thông báo và đăng ký ngay thông tin mới để đảm bảo nhận được kịp thời các thông báo, thông tin từ Công ty.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo họp và các tài liệu đính kèm đến Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

Điều 31. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng quản trị) có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự cuộc họp và biểu quyết trong cuộc họp Hội đồng quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) ngày trước khi họp. Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và biểu quyết nếu không được đa số thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận.

Điều 32. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện ủy quyền.

2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành khi có hơn 1/2 (một nửa) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 33. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

3. Theo quy định tại Khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong cuộc họp Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên Hội đồng quản trị mà vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

4. Thành viên hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 5 Điều 39 Điều lệ Công ty[vii] sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng đó.

5. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân hoặc người có liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng hoặc giao dịch được ký với Công ty, thành viên này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên Hội đồng quản trị này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong hợp đồng hoặc giao dịch liên quan.

6. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên có mặt. Trường hợp số lượng phiếu tán thành hoặc phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong những trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b. Uỷ quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Điều 23 Quy chế này;

   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, hoặc tham gia có ý kiến từ xa qua thư hoặc email hoặc fax hoặc bằng phương tiện thông tin khác hoặc là kết hợp những phương thức này hoặc hình thức tương tự khác;

   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư hoặc email hoặc fax. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ

tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

Điều 34. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

   c. Thời gian, hình thức và địa điểm họp;

   d. Họ và tên thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp;

   e. Họ và tên các thành viên không dự họp và lý do;

   f. Thành viên biểu quyết bằng văn bản;

   g. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

   h. Tóm tắt nội dung phát biểu của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

   i. Kết luận cuộc họp nếu các thành viên có quan điểm thống nhất hoặc kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành, không có ý kiến;

   j. Các vấn đề được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

   k. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h, i khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực..

3. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và những biên bản đó được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Khi có sự hiểu không đồng nhất giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản tiếng Việt được áp dụng.

5. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

6. Căn cứ vào biên bản họp, Hội đồng quản trị ra nghị quyết, quyết định, thông báo về các nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết, quyết định, thông báo được gửi tới các đối tượng có liên quan để triển khai thực hiện.

Điều 35. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Căn cứ vào biên bản họp, Hội đồng quản trị ra nghị quyết, quyết định, thông báo về các nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết, quyết định, thông báo được gửi tới các đối tượng có liên quan để triển khai thực hiện.

CHƯƠNG V

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban nhân sự, lương thưởng và các tiểu ban khác để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Cơ cấu và tiêu chuẩn thành viên của các tiểu ban

Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, bao gồm nhiều thành viên Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm Trưởng tiểu ban.

Điều 38. Trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên

1. Hoạt động của các tiểu ban phải tuân thủ quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật.

CHƯƠNG VI

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 39. Tiêu chuẩn trở thành Kiểm soát viên

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của FRM doanh nghiệp và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc;

3. Không được là người quản lý Công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp Nhà nước; không phải là người lao động của Công ty;

4. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Kiểm soát viên khác và những người quản lý khác của Công ty;

5. Không làm việc trong bộ phận tài chính, kế toán của Công ty;

6. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 40. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số lượng phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cụ thể, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

   a. Từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên;

   b. Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên;

   c. Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên;

   d. Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên;

   e. Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 41. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được trước các ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Ban Kiểm soát phải được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố trên Website của Công ty trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 10 (mười) ngày để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

2. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên Ban Kiểm soát tối thiểu bao gồm:

   a. Họ và tên, ngày tháng năm sinh;

   b. Trình độ học vấn;

   c. Trình độ chuyên môn;

   d. Quá trình công tác;

   e. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 42. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc bầu Kiểm soát viên có cùng cách thức với việc bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 26 Quy chế này.

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

   a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Quy chế này và Điều lệ Công ty;

   b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

   c. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

   a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

   b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

   c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;

   d. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

   e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Công ty công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo các quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

CHƯƠNG VII

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 45. Tiêu chuẩn bổ nhiệm Tổng Giám đốc

1. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên;

3. Có kinh nghiệm và năng lực quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 46. Tiêu chuẩn bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc

1. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên;

3. Có kinh nghiệm và năng lực quản lý, điều hành lĩnh vực được phân công.

Điều 47. Tiêu chuẩn bổ nhiệm Kế toán trưởng

1. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 52 Luật Kế toán[viii];

2. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của Công ty;

3. Về trình độ:

   a. Phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kế toán từ đại học trở lên;

   b. Có ít nhất 05 (năm) năm công tác trong lĩnh vực kế toán tính đến ngày được bổ nhiệm;

   c. Riêng đối với Kế toán trưởng, phải có chứng chỉ kế toán trưởng.

Điều 48. Tiêu chuẩn bổ nhiệm người điều hành và cán bộ quản lý

1. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên;

3. Có kinh nghiệm, năng lực quản lý, điều hành lĩnh vực được phân công.

Điều 49. Tiêu chuẩn bổ nhiệm các vị trí cán bộ quản lý khác (trưởng phòng, phó phòng, trưởng ban, phó ban, giám đốc Nhà máy chế biến gỗ, trưởng đội trồng rừng, trưởng trại nuôi cá sấu và tương đương)

1. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên đối với cấp trưởng, phó phòng khối văn phòng và giám đốc nhà máy;

3. Có kinh nghiệm, năng lực quản lý, điều hành lĩnh vực được phân công, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao.

Điều 50. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp và các cán bộ quản lý

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị họp thông qua nghị quyết để Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền ký quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

2. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

3. Những cán bộ quản lý khác: trưởng phòng, phó phòng, trưởng ban, phó ban, giám đốc Nhà máy chế biến gỗ, trưởng đội trồng rừng, trưởng trại nuôi cá sấu và tương đương do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.

Điều 51. Nhiệm kỳ của người điều hành doanh nghiệp

1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác là 03 (ba) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Nhiệm kỳ của cán bộ quản lý khác: việc bổ nhiệm căn cứ vào thực tế và các quy định tại hợp đồng lao động.

Điều 52. Ký hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền ký hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động với Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo uỷ quyền của Hội đồng quản trị ; ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý khác theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Người đại diện theo pháp luật (hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền bằng văn bản) ký kết hợp đồng lao động với những người quản lý khác (sau khi có quyết định bổ nhiệm) và ký kết hợp đồng lao động với các nhân viên khác của Công ty.

4. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, quyền hạn và trách nhiệm. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật.

Điều 53. Bổ nhiệm lại chức vụ của người điều hành doanh nghiệp

1. Khi người điều hành doanh nghiệp kết thúc nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị phải quyết định trước khi người điều hành doanh nghiệp kết thúc nhiệm kỳ ít nhất 01 (một) tháng.

2. Điều kiện để bổ nhiệm lại người điều hành doanh nghiệp:

   a. Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ;

   b. Có phẩm chất đạo đức tốt;

   c. Không vi phạm pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và các quy định của Công ty;

   d. Có đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ;

   e. Được cán bộ, công nhân viên trong đơn vị tín nhiệm.

Điều 54. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong trường hợp sau:

1. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;

2. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

3. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;

4. Bị cấm điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

5. Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

Điều 55. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Công ty thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

CHƯƠNG VIII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 56. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác của Công ty phối hợp hoạt động theo nguyên tắc:

1. Luôn trung thành và vì lợi ích chung của Công ty;

2. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và của Công ty;

3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;

4. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc.

Điều 57. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị đảm bảo tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành của Công ty và việc chỉ đạo điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

3. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét trong phiên họp gần nhất.

4. Khi thấy nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo để Hội đồng quản trị thay đổi quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị không thay đổi quyết định, Tổng Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những nghị quyết, quyết định vi phạm pháp luật đó của Hội đồng quản trị và thông báo ngay cho Ban Kiểm soát.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình Hội đồng quản trị do Tổng Giám đốc chủ trì.

6. Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp Hội đồng quản trị có thể quyết định mời Tổng Giám đốc, các Phó

Tổng Giám đốc, các trưởng phòng, đơn vị liên quan tham dự, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến.

7. Tổng Giám đốc và những người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian nhanh nhất.

8. Tổng Giám đốc gửi báo cáo định kỳ về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị cùng với kiến nghị. Khi phát hiện có rủi ro hoặc sự cố có thể ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác cần kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách công việc để có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 58. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

1. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và kiểm soát, kiểm tra tính tuân thủ, tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản trị doanh nghiệp. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ, thường xuyên để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo mời Trưởng Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trường hợp cần thiết, Trưởng Ban Kiểm soát có thể cử thêm các thành viên khác của Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng phải thông báo trước cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Tất cả nghị quyết, quyết định, biên bản họp Hội đồng quản trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng quản trị ban hành đều được gửi đến Ban Kiểm soát.

4. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, Ban Kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản trị, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty bất kỳ lúc nào.

Điều 59. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có thể mời Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của Tổng Giám đốc. Khi tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát có thể đóng góp ý kiến. Tổng Giám đốc gửi cho Ban Kiểm soát biên bản họp này.

2. Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo định kỳ và theo yêu cầu từ Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ khác.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

4. Các văn bản báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến Trưởng Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IX

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 60. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý trong Công ty trên cơ sở quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận trong Công ty để phân loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

   a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

   b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

   c. Hoàn thành nhiệm vụ;

   d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 61. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

2. Chế độ khen thưởng:

   a. Bằng tiền;

   b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

3. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để đề ra mức khen thưởng cụ thể.

Điều 62. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 63. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

1. Có hiểu biết về pháp luật;

2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 64. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 (năm) năm.

Điều 65. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động.

Điều 66. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Công ty công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định pháp luật đối với công ty đại chúng.

CHƯƠNG XI

THI HÀNH

Điều 67. Điều khoản thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn được biên soạn dựa trên Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2. Quy chế này đã được biểu quyết nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và tất cả đơn vị, cá nhân trực thuộc Công ty có trách nhiệm tuân thủ quy chế này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chủ tịch HĐQT

PHẠM VIẾT DƯƠNG

Trích dẫn tài liệu tham chiếu:

---

[i] ***Khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp:***

Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên.

Khoản 1 Điều 168 Luật Doanh nghiệp:

Ban Kiểm soát có từ 03 đến 05 Kiểm soát viên.

[ii] ***Khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty:***

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị tối đa không quá năm (05) năm. Thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, việc rút ngắn hoặc gia hạn thời hạn của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị tối đa không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm/miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.
Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và Điều lệ Công ty.
Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

[iii] ***Khoản 4 Điều 12 Điều lệ Công ty:***

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu hoặc thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét và trích lục biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh: nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo Khoản 4 **Error! Reference source not found.**;

đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

[iv] ***Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty:***

Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người quản lý, người điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

[v] ***Điều 16 Điều lệ Công ty: Đại diện được ủy quyền***

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Cổ đông là cá nhân được quyền cử tối đa một (01) người khác dự họp. Trường hợp cổ đông là tổ chức có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty (được gửi đích danh đến cổ đông cùng với thông báo/giấy mời họp) và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông là tổ chức uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền và các giấy tờ cần thiết khác theo quy định của Công ty để chứng minh tính xác thực và hợp lệ của việc ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

[vi] ***Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp:***

Tổ chức, cá nhân sau đây không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, Công chức, và Luật Viên chức;

c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 của Luật này, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

e) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

f) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Toà án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng;

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu, người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.

g) Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[vii] ***Khoản 5 Điều 39 Điều lệ Công ty:***

Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị từ35% trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

[viii] ***Điều 52 Luật Kế toán: Những người không được làm kế toán***

1. Người chưa thành niên; người bị Tòa án tuyên bố hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; người đang phải chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
2. Người đang bị cấm hành nghề kế toán theo bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán mà chưa được xóa án tích.
3. Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của người đại diện theo pháp luật, của người đứng đầu, của giám đốc, tổng giám đốc và của cấp phó của người đứng đầu, phó giám đốc, phó tổng giám đốc phụ trách công tác tài chính - kế toán, kế toán trưởng trong cùng một đơn vị kế toán, trừ doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và các trường hợp khác do Chính phủ quy định.
4. Người đang là người quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người mua, bán tài sản trong cùng một đơn vị kế toán, trừ trong doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và các trường hợp khác do Chính phủ quy định.